

Số: /STNMT-KHTC
V/v phối hợp chuẩn bị nội dung phục vụ Hội
nghị tổng kết công tác năm 2022 của
ngành tài nguyên và môi trường

Nghệ An, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 7222/BTNMT-VP ngày 29/11/2022 về việc phối hợp chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 của ngành tài nguyên và môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An báo cáo kết quả thực hiện năm 2022, kế hoạch năm 2023 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ động rà soát, tham mưu ban hành kịp thời chính sách, quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên môi trường thuộc thẩm quyền và các văn bản chỉ đạo điều hành để tăng cường, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và giải quyết tồn tại, vướng mắc từ thực tiễn, tạo thuận lợi để thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính và thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh.

- Tham mưu ban hành: 01 Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về lĩnh vực môi trường, 09 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 04 Quyết định của UBND tỉnh về lĩnh vực đất đai và 02 Quyết định của UBND tỉnh về lĩnh vực môi trường⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2030; Các Nghị quyết về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An: số 03/NQ-HĐND ngày 25/3/2022, 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022, 50/NQ-HĐND ngày 12/10/2022; Các Nghị quyết về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An: số 04/NQ-HĐND ngày 25/3/2022, 18/NQ-HĐND ngày 14/4/2022, 39/NQ-HĐND ngày 25/8/2022, 51/NQ-HĐND ngày 12/10/2022; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về chủ trương đầu tư dự án: Trụ Sở (mới) Sở Tài nguyên và Môi trường tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh.

Quyết định: số 24/2022/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 1645/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh; số 1772/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; số 1773/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc công

- Xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng dự thảo Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Xây dựng dự thảo dự thảo thay thế Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Nghệ An ⁽²⁾.

2. Công tác quy hoạch, kế hoạch ngành.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện công tác lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tổ chức lập Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Nghệ An, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho các huyện, thành, thị làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 cấp huyện.

- Hoàn thành việc tiếp nhận, thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch và bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cho 21/21 đơn vị cấp huyện.

- Tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch: số 123 - KH/TU ngày 12/9/2022 về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 509/KH-UBND ngày 14/7/2022 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2030; số 132/KH-UBND ngày

bổ danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đất đai đối với tổ chức trên địa bàn tỉnh; số 1772/QĐ-UBND ngày 21/06/2022 phê duyệt Quy trình nội bộ, quy trình điện tử thủ tục hành chính “Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp xác nhận thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp theo nhu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; số 45/2022/QĐ-UBND ngày 9/9/2022 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 7/4/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 1288/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh 2022 về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực môi trường.

⁽²⁾ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết một số thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

25/02/2022 về việc ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025.

3. Tổ chức thực hiện các đề án, dự án.

Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt, gồm:

- Về lĩnh vực đất đai và đo đạc bản đồ: Đề án nâng cao hiệu quả sử dụng đất; Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP; Đề án điều tra đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Về môi trường: Đề án điều tra bổ sung tại 2 điểm; khảo sát để lập Đề án điều tra, đánh giá chi tiết, lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại 21 điểm tồn lưu hóa chất BVTV; thực hiện 3 Dự án xử lý ô nhiễm tồn lưu hóa chất BVTV; Chương trình quan trắc giám sát chất lượng môi trường tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025.

- Về tài nguyên nước, biển và hải đảo: Đề án Điều tra, đánh giá hiện tượng xâm nhập mặn ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội các huyện ven biển tỉnh Nghệ An để ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Nghệ An; đề án Lập đề cương và dự toán dự án Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Nghệ An; đề án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông Bùng và sông Dinh trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Đề án điều tra, thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước tỉnh Nghệ An; Đề án Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải sông Đào; Đề án Điều tra, lập Danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh Nghệ An; Đề án Điều tra, lập Danh mục ao, hồ không được san lấp trên địa bàn tỉnh; đề án Điều tra khảo sát, xây dựng Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc địa bàn tỉnh Nghệ An chưa được quy định tại Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính Phủ.

- Về khí tượng thủy văn: Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; Đề án đánh giá khí hậu tỉnh Nghệ An; Đề án điều tra, khảo sát lập kế hoạch phát triển mạng lưới thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho cơ sở và các tổ chức cá nhân trong sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức làm việc với UBND cấp huyện, cấp xã để chỉ đạo giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; đồng thời phổ biến, quán triệt quy định của pháp luật về trách nhiệm, thẩm quyền của UBND cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý.

- Phối hợp với các ngành liên quan và chính quyền địa phương giải quyết vướng mắc để đẩy nhanh công tác bồi thường GPMB, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các dự án trọng điểm, dự án thu hút đầu tư của tỉnh, như: Dự án Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP, Dự án đường cao tốc Bắc - Nam, Dự án đường ven biển, Dự án đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò, Dự án công viên nghỉ ngơi sinh thái Vĩnh Hằng và các dự án trọng điểm khác.

- Tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, công tác quản lý về tài nguyên môi trường; giải quyết các vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, vướng mắc về bồi thường GPMB, giải quyết kiến nghị cử tri,...

- Tổ chức giao ban với các Hội doanh nghiệp định kỳ 01 quý/01 lần, làm việc trực tiếp với một số nhà đầu tư theo chương trình thu hút đầu tư của tỉnh để giải quyết vướng mắc cho nhà đầu tư. Phân công cán bộ phụ trách địa bàn để nắm bắt, hướng dẫn, giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc cho cơ sở.

5. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Phối với Báo Nghệ An, Đài Phát thanh Truyền hình, Đài Truyền hình VTC để thực hiện tốt công tác tuyên truyền về lĩnh vực tài nguyên và môi trường và các hoạt động của Sở. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên Đoàn Lao động tỉnh, Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ, Công an tỉnh; Cục Thi hành án, Đài Khí tượng thủy văn Bắc trung bộ... tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân thông qua việc triển khai các quy chế phối hợp đã ký kết.

6. Công tác cải cách hành chính.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, tạo được chuyển biến mạnh mẽ.

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2013 và Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 17/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An; Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2012, Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND ngày 06/4/2013 và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh.

- Ban hành và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường (Kế hoạch số 753/KH-STNMT ngày 28/01/2022).

- Công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến các mức độ luôn được cập nhật thường xuyên.

- Vận hành, thực hiện tốt công tác quản trị hệ thống quản lý văn bản & điều hành VNPT-Ioffice Sở; đăng tin, bài trên Website của Sở; hệ thống thư điện tử công vụ, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số,...

- Lãnh đạo Sở thường xuyên làm việc với các phòng, đơn vị để đánh giá việc xây dựng kế hoạch, các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính đảm bảo khoa học, đổi mới, cải cách với trọng tâm, trọng điểm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao đạo đức công vụ, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt việc công khai, niêm yết bộ thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên website của Sở, công tác kiểm soát thủ tục hành chính thông qua cá nhân lãnh đạo và Tổ công vụ, Thanh tra công vụ.

- Rà soát bổ sung nội quy, quy chế cơ quan, đơn vị... Tiếp tục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001 - 2015. Áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản VNPT IOffice trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

- Tiếp nhận 493 đơn thư, trong đó: trong đó: 116 đơn khiếu nại, 44 đơn tố cáo; 317 đơn kiến nghị; 15 đơn tranh chấp đất đai. Tham mưu hướng dẫn: 21 đơn; chuyển đơn: 350, đơn đốc giải quyết: 41, lưu theo dõi: 81 đơn. Trong tổng số 105 đơn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường, có 80 vụ việc Thanh tra Sở chủ trì, kiểm tra, xác minh, rà soát tham mưu UBND tỉnh hướng giải quyết. Số đơn trên đã được giải quyết kịp thời so với số đơn phải giải quyết, trong đó: có 44 vụ việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; 05 vụ việc tố cáo về đất đai (trong đó có 01 vụ việc đông người); 01 vụ việc tranh chấp đất đai; 30 vụ việc kiến nghị liên quan đến đất đai. Kết quả hiện nay đã tham mưu xử lý 63 vụ việc, còn 17 vụ việc đang trong thời hạn xử lý.

- Thực hiện Kế hoạch thanh tra năm 2022 (theo Quyết định số 1136/QĐ-STNMT ngày 10/12/2022 và Quyết định số 1401/QĐ-STNMT ngày 08/11/2022 về điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 2022), công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường đã được tăng cường, đạt kết quả tốt. Qua thanh tra kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm hành chính về tài nguyên và môi trường góp phần đưa các hoạt động trong quản lý và sử dụng đất đai; hoạt động khoáng sản; bảo vệ môi trường; khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh đi vào kỷ cương có hiệu quả, đúng pháp luật. ⁽³⁾

⁽³⁾ Thực hiện 8 cuộc thanh tra chuyên ngành (07 cuộc thanh tra kết hợp nhiều lĩnh vực gồm đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước và 01 cuộc thanh tra chỉ thực hiện đối với lĩnh vực đất đai) đối với 24 tổ chức; trong đó có 05 cuộc thành lập Đoàn thanh tra đối với 05 tổ chức và 03 cuộc thanh tra độc lập đối với 19 tổ chức. Thực hiện 04 cuộc kiểm tra công vụ, thủ tục hành chính đất đai cho hộ gia đình, cá nhân đối với 04 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện; 01 cuộc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 26 Quyết định đối với 26 tổ chức; số tiền xử

- Tổ chức kiểm tra, xử lý kịp thời thông tin do cơ quan thông tấn báo chí phản ánh về tình trạng khai thác khoáng sản trái phép; đôn đốc yêu cầu các tổ chức khai thác khoáng sản thực hiện việc nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường. Năm 2022, Sở đã tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của 207 tổ chức/235 điểm mỏ với số tiền 30,32 tỷ đồng. Hoàn trả tiền ký quỹ cho 04 tổ chức/04 điểm mỏ khai thác khoáng sản với số tiền 2,66 tỷ đồng.

- Tham gia đầy đủ các phiên tiếp dân định kỳ của Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại trụ sở Ban tiếp công dân tỉnh. Tổ chức tiếp công dân thường xuyên tại trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường ⁽⁴⁾.

8. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm một số lĩnh vực.

a) Công tác quản lý đất đai và đo đạc, bản đồ.

- Công tác thống kê, kiểm kê đất đai: Tham mưu UBND tỉnh việc kiểm tra, rà soát giữa số liệu thống kê đất an ninh trên địa bàn tỉnh do Bộ Công an thực hiện với số liệu thống kê đất đai năm 2021 của tỉnh Nghệ An theo đề nghị của Bộ Công an; Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả thống kê đất đai năm 2021 tỉnh Nghệ An; Tham mưu UBND tỉnh văn bản chỉ đạo UBND cấp huyện và các Sở, ngành liên quan triển khai công tác thống kê đất đai năm 2022 các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu tổ chức/cá nhân sử dụng đất hoàn thành thủ tục về đất đai theo quy định; chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã rà soát, chấn chỉnh, khắc phục tình trạng sử dụng đất sai mục đích, đất để hoang hóa, lãng phí; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường GPMB của UBND các huyện để phục vụ đấu giá đất ở, thực hiện các công trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất cụ thể, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đấu giá đất:

+ Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất của các dự án đầu tư có sử dụng đất: Tiếp nhận: 586 hồ sơ; Đã hoàn thành: 428 hồ sơ; Đang xử lý: 147 hồ sơ; Doanh nghiệp rút: 98 hồ sơ.

+ Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhận theo cơ chế một cửa: Tiếp nhận: 362 hồ sơ; Đã xử lý: 264 hồ sơ; Đang xử lý: 13 hồ sơ; DN rút: 24 hồ sơ; Trả: 61 hồ sơ.

phạt vi phạm hành chính: 708,59 triệu đồng (Môi trường: 523,59 triệu đồng; đất đai: 160 triệu đồng, khoáng sản: 25 triệu đồng); Buộc 02 tổ chức nộp lại số lợi bất hợp pháp: 31,55 triệu đồng.

⁽⁴⁾ Trong năm 2022, Sở đã tiếp 74 lượt người đến khiếu tố, kiến nghị, phản ánh và hỏi chính sách pháp luật liên quan đến tài nguyên và môi trường (trong đó 10 trường hợp phản ánh qua đường giây nóng).

+ Hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường GPMB: Tiếp nhận và xử lý: 86 hồ sơ, trong đó: 29 hồ sơ đề nghị thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường GPMB, 57 hồ sơ thu hồi đất.

+ Hồ sơ thẩm định điều kiện chuyển nhượng các dự án nhà ở theo Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Tiếp nhận: 149 hồ sơ, trong đó: Đã xử lý 105 hồ sơ; Đang xử lý: 17 hồ sơ; Rút: 16 hồ sơ; Trả: 11 hồ sơ.

+ Hồ sơ chấp thuận nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để thực hiện các dự án phi nông nghiệp: Tiếp nhận: 136 hồ sơ; Đang xử lý: 17 hồ sơ; Đã xử lý 119 hồ sơ.

+ Tiếp nhận, xử lý 342 hồ sơ đề nghị xác định giá đất phục vụ công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường GPMB, đấu giá quyền sử dụng đất (trong đó, đã trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh 265 hồ sơ; đang phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc xác định giá đất cụ thể 77 hồ sơ); triển khai thực hiện đấu giá QSDĐ 07 khu đất (tại huyện Thanh Chương, Cửa Lò, Tân Kỳ, thành phố Vinh).

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh giải quyết nhu cầu đất đai, chủ trương khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mới, mở rộng khuôn viên, xây dựng nhà thờ, nhà học giáo lý, nhà chùa tại các cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo, phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ trong công tác điều tra, khảo sát các cơ sở tôn giáo và có liên quan đến tôn giáo trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Kế hoạch số 787/ KH-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh; đề nghị UBND cấp huyện đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch số 787/KH-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều tra, khảo sát thực trạng quản lý sử dụng đất đai các cơ sở tôn giáo và có liên quan đến tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu xử lý đất của các công ty nông lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Đề án Tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân.

- Đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có 460/460 xã, phường, thị trấn đã được đo đạc bản đồ địa chính, trích đo địa chính bằng công nghệ bản đồ số ở các tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000 (*công tác trích đo địa chính thực hiện chủ yếu tại các huyện miền núi, một số xã đo khu vực đất ở và đất sản xuất nông nghiệp tập trung*). Đối với khu vực đất lâm nghiệp, giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2007 thực hiện Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/01/1999, Nghệ An đã hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tại các tỷ lệ 1:5.000 và 1:10.000.

- Hoàn thành công tác xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính cho 11 công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc diện sắp xếp đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về

việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Về đăng ký, cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở; đăng ký biến động đất đai; đăng ký giao dịch bảo đảm:

+ Đất tổ chức: tiếp nhận, xử lý 2.851/3.068 hồ sơ của tổ chức ⁽⁵⁾; Đang xử lý: 91 hồ sơ; Rút, trả: 126 hồ sơ.

+ Đất hộ gia đình, cá nhân: tiếp nhận và xử lý 288.250/332.227 hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân ⁽⁶⁾; đang xử lý 12.965 hồ sơ; hồ sơ xin rút, trả (do không đảm bảo quy định): 31.012 hồ sơ.

b) Công tác quản lý khoáng sản.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan và UBND các huyện, thị xã để rà soát tổng thể nguồn nguyên liệu đảm bảo phục vụ dự án đường cao tốc Bắc – Nam, các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh và nhu cầu của nhân dân (Dự án Khu công nghiệp VSIP, Dự án WHA...).

- Xây dựng kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh (Công văn số 683/UBND-NN ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh). Ngày 21/7/2022, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 2110/QĐ-UBND đối với 25 khu vực đất san lấp, 01 khu vực sét gạch ngói và 04 khu vực cát sỏi. Ngày 08/12/2022, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – Sở Tư pháp đã tiến hành đấu giá được 12 khu vực mỏ và đang trong quá trình xử lý các bước tiếp theo.

- Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh cấp 24 giấy phép khai thác khoáng sản, ban hành 42 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 108,14 tỷ đồng.

- Chủ trì thực hiện Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn liên ngành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản của các Doanh nghiệp và trách nhiệm UBND cấp huyện trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

⁽⁵⁾ Tổ chức:

- Tiếp nhận: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất: 312 hồ sơ; Đăng ký biến động đất đai: 1.217 hồ sơ; Đăng ký biện pháp bảo đảm: 1.526 hồ sơ; Hồ sơ kiểm tra, rà soát theo Quyết định 81: 13 hồ sơ.

- Xử lý hoàn thành: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất: 212 hồ sơ; Đăng ký biến động đất đai: 1103 hồ sơ; Đăng ký biện pháp bảo đảm: 1.526 hồ sơ; Hồ sơ kiểm tra, rà soát theo Quyết định 81: 10 hồ sơ.

⁽⁷⁾ Hộ gia đình, cá nhân:

- Tiếp nhận: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu: 14.295 hồ sơ; Cấp đổi, cấp lại, Đăng ký biến động mà cấp mới GCN: 108.836 hồ sơ; Đăng ký biến động xác nhận trên GCN: 41.209; Đính chính sai sót trên GCN: 8.942; Đăng ký biện pháp bảo đảm: 99.626 hồ sơ.

- Xử lý hoàn thành: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu: 9.556 hồ sơ; Cấp đổi, cấp lại, Đăng ký biến động mà cấp mới GCN: 89.623 hồ sơ; Đăng ký biến động xác nhận trên GCN: 37.972; Đính chính sai sót trên GCN: 7.733; Đăng ký biện pháp bảo đảm: 99.615 hồ sơ.

- Chủ trì thực hiện Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh để kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản (quặng thiếc) đối với các tổ chức trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp.

- Tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra một số đơn vị khai thác cát, sỏi vượt công suất trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Ban quản lý dự án 6 Bộ Giao thông vận tải để xử lý các nội dung liên quan đến nguồn đất đắp phục vụ xây dựng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam và đăng ký kịp thời cho các nhà thầu tận thu đất làm vật liệu san lấp trong phạm vi dự án đường cao tốc.

- Đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ liên quan (thuê đất, nộp tiền cấp quyền, ký quỹ phục hồi môi trường, báo cáo định kỳ, kiểm kê trữ lượng, bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ,..) theo quy định.

c) Công tác quản lý tài nguyên nước, biển và hải đảo; khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, biển và hải đảo. Tham mưu tổ chức hướng ứng Ngày Nước Thế giới năm 2022 đạt kết quả tốt, đảm bảo an toàn phòng chống dịch covid 19. Chủ động hướng dẫn cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố Vinh triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Rà soát lại các tổ chức thuộc danh sách kiểm tra chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, biển và hải đảo tại Quyết định số 326/QĐ-STNMT.NBHD ngày 23/4/2021 để xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2022.

- Công tác cấp phép: Tiếp nhận, xử lý 45/49 giấy phép hoạt động thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; đang trong thời hạn xử lý: 04 hồ sơ; Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 884,09 triệu đồng; Tổng số tiền giao khu vực biển theo Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh là 699,95 triệu đồng.

- Đôn đốc, chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, biển và hải đảo và khí tượng thủy văn trên địa bàn huyện.

- Tổ chức tuyên truyền về ứng phó biến đổi khí hậu, nguyên nhân, hậu quả, cũng như tác động của BĐKH ảnh hưởng đến các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ban hành văn bản đôn đốc các đơn vị phải quan trắc khí tượng thủy văn thực hiện việc quan trắc khí tượng thủy văn năm 2022.

- Tiếp nhận, thẩm định tham mưu cấp, gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng ở địa phương; thẩm định các dự án đầu tư

xây dựng, cải tạo nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng ở địa phương.

d) Công tác bảo vệ môi trường.

- Thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt 45 báo cáo ĐTM. Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban quản lý KKT Đông Nam đã cấp 28 giấy phép môi trường, 01 xác nhận hoàn thành công trình BVMT; Tiếp nhận và thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: tham mưu UBND tỉnh phê duyệt 06 hồ sơ; tiếp nhận và đang xử lý 04 hồ sơ.

- Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Đến nay, có 33/42 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xác nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để, còn 09 cơ sở chưa hoàn thành.

- Thực hiện quan trắc, theo dõi, giám sát chất lượng môi trường định kỳ theo Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025; đến nay, có 21/34 đơn vị đã thực hiện việc đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc tự động trong đó có 19/34 đơn vị đã truyền dẫn số liệu quan trắc tự động về hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác điều tra và xử lý ô nhiễm môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật trên địa bàn các huyện, thị xã. Phối hợp với các Sở ngành liên quan và UBND cấp huyện thực hiện công tác thẩm định tiêu chí môi trường đối với các xã nông thôn mới, huyện nông thôn mới.

(Chi tiết số liệu thực hiện các lĩnh vực tại phụ lục gửi kèm)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Toàn ngành đã có nhiều nỗ lực, chủ động, tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trên cơ sở bám sát vào các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, một số kết quả nổi bật như sau:

- Tham mưu kịp thời và cụ thể hóa các quy phạm pháp luật phù hợp với thực tiễn địa bàn tỉnh từ các quy định của pháp luật hiện hành, phục vụ hiệu quả công tác quản lý tài nguyên môi trường. Thực hiện và hoàn thành có chất lượng chương trình xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh về lĩnh vực ngành.

- Công tác cải cách hành chính đã được thực hiện quyết liệt. Trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức được nâng lên; thủ tục đầu tư liên quan đến ngành đã được giải quyết tốt. Quan tâm và xử lý có hiệu quả các vướng mắc phát sinh về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đặc biệt là các dự án trọng điểm thu hút đầu tư, vướng mắc của tổ chức, cá nhân và công tác quản lý tài nguyên môi trường ở cơ sở.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao đúng tiến độ, đạt kết quả tốt, như: kiểm tra xử lý dự án chậm tiến

độ trên địa bàn toàn tỉnh; xây dựng sửa đổi, bổ sung bảng giá đất KCN trong KKT Đông Nam và sửa đổi, bổ sung bảng giá đất tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020 - 2024; công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết đơn thư khiếu nại về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; công tác cấp GCN QSD đất,...

- Tích cực triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về tài nguyên và môi trường, qua đó đã chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về đất đai, kiến nghị thu hồi các dự án sử dụng đất vi phạm, hạn chế được tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, không phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

a) Hạn chế, khuyết điểm

- Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn tái diễn ở một số địa phương.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai đạt được chưa toàn diện, việc nắm bắt tình hình quản lý đất đai nhìn chung ở các địa phương đã được chú trọng hơn trước, nhưng bên cạnh đó tình hình quản lý đất đai ở một số địa phương chưa sát nên chưa kịp thời tham mưu xử lý được các vấn đề phát sinh.

- Tiến độ, kết quả triển khai thực hiện một số đề án/dự án của ngành (xử lý các điểm ô nhiễm tồn lưu hóa chất chất bảo vệ thực vật, công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, điều tra đánh giá tài nguyên nước, khí tượng thủy văn,...) còn chậm so với yêu cầu, kế hoạch đề ra.

b) Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm.

- Một số tồn tại vướng mắc, chông chéo giữa các Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành chậm được giải quyết. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 có nhiều khó khăn, nhất là đại dịch Covid -19 đang diễn biến hết sức phức tạp; biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán tiếp tục có nhiều diễn biến bất thường, làm ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn ngành.

- Một số cấp ủy chính quyền địa phương, nhất là UBND cấp xã chưa thực sự quan tâm, quyết liệt trong các hoạt động bảo vệ tài nguyên chưa cấp phép, xử lý sau kiểm tra chưa triệt để. Một số tổ chức, cá nhân vì lợi nhuận đã bất chấp pháp luật hoặc lợi dụng các kẽ hở của pháp luật để tiến hành khai thác khoáng sản trái phép.

- Nhiều dự án phải xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thuộc đối tượng công ích như các bệnh viện, các cụm công nghiệp, việc đầu tư công trình biện pháp bảo vệ môi trường phải sử dụng ngân sách nhà nước, nên tiến độ đầu tư chậm hoặc không đồng bộ. Chưa đảm bảo ngân sách tối thiểu để thực hiện các nội dung của các đề án, dự án được phê duyệt.

- Số lượng cán bộ, công chức của ngành còn thiếu so với nhiệm vụ được giao ngày càng lớn. Các vi phạm về lĩnh vực tài nguyên môi trường ngày càng tinh vi, phức tạp.

- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường rất phức tạp, hệ thống hồ sơ, tài liệu nhiều, dữ liệu chưa đồng bộ, hệ thống cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

Trong thời gian tới, ngành tài nguyên và môi trường cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục rà soát chính sách, pháp luật về lĩnh vực tài nguyên môi trường đã ban hành, để tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp với thực tế và phù hợp với sự thay đổi của các Luật, văn bản dưới luật, tập trung vào lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường. Thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trong toàn ngành.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và hoàn thành việc lập Quy hoạch lĩnh vực tài nguyên môi trường tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đúng tiến độ, chất lượng (Đất đai, Khoáng sản, Tài nguyên nước, Bảo vệ môi trường). Trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 – 2030; kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện còn lại và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 21 huyện trên địa bàn tỉnh.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên và môi trường, nhất là Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Phối hợp tốt với các Sở ngành và chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Tập trung rà soát xử lý tình trạng dự án chậm triển khai; giải quyết tình trạng lãng phí, sử dụng đất sai mục đích, vi phạm pháp luật về đất đai; đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; thực hiện hiệu quả công tác quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường. Đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với các xã bị biến động đất đai do dồn điền đổi thửa, xây dựng nông thôn mới; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đất đai.

5. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, nhằm tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của người dân về bảo vệ môi trường, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trở thành nếp sống, văn hóa trong cộng đồng dân cư; tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất; tập trung xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 509/KH-UBND ngày 14/7/2022 của

UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 02/3/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2030.

6. Tiếp tục đánh giá hiện trạng tài nguyên nước trên địa bàn toàn tỉnh; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng thể để tăng cường khả năng trữ nước, ưu tiên những vùng thường xuyên bị hạn hán, xâm nhập mặn. Phối hợp thực hiện công tác quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng, đô thị, du lịch và khu kinh tế, khu công nghiệp vùng bờ kết nối với quy hoạch không gian biển, quản lý chặt chẽ hành lang bờ biển. Tập trung triển khai, đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật trong thẩm định, cấp phép về lĩnh vực tài nguyên môi trường; tham mưu thực hiện tốt các chương trình, dự án, đề án của ngành. Đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy hoạch, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển, bảo vệ môi trường.

8. Chủ động phối hợp làm việc với các Sở ban ngành; UBND các huyện, thành, thị; UBND các xã, phường, thị trấn; các Hội doanh nghiệp và các tổ chức/cá nhân liên quan để kịp thời tháo gỡ và giải quyết vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn lực tài nguyên đầu tư phát triển kinh tế xã hội. Tập trung giải quyết kịp thời, nhanh gọn thủ tục hành chính của ngành đối với các dự án trọng điểm thu hút đầu tư của tỉnh.

9. Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, trọng tâm là đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm nhằm nâng hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết kiến nghị phản ánh, khiếu nại, tố cáo ở ngay từ cấp cơ sở; không để tình trạng đơn vượt cấp, không để phát sinh các điểm nóng phức tạp.

10. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn tới.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác tài nguyên và môi trường năm 2022, kế hoạch năm 2023; Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Phó GD phụ trách;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Thái Văn Nông

Phụ lục 01: Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành tài nguyên và môi trường

STT	Nội dung	Tổng số hồ sơ	Hình thức tiếp nhận và giải quyết			Kết quả xử lý	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán điện tử	Đúng hạn	Quá hạn
1	Lĩnh vực đất đai	2218	2218			2215	03
2	Lĩnh vực khoáng sản	106	93	13		106	
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	45		45		45	
4	Lĩnh vực môi trường	206	160	46		206	
5	Lĩnh vực biển và hải đảo	02		02		02	
6	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	05	05			05	
Tổng số		2.582	2.476	106		2.579	03

Phụ lục số 02: Nguồn thu từ tài nguyên và môi trường đóng góp vào Ngân sách Nhà nước

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Tổng thu (Trồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN địa phương (%)
1	Lĩnh vực đất đai	102.670	
2	Lĩnh vực khoáng sản	672.973	
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	884	
4	Lĩnh vực môi trường	871	
5	Lĩnh vực biển và hải đảo	700	
6	Lĩnh vực khí tượng thủy văn	0	
7	Lĩnh vực đo đạc và Bản đồ	21	
	Tổng số		

Phụ lục 3: Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

STT	Nội dung	Số lượng (đoàn/cuộc)	Kết quả xử lý/kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm tra					Ghi chú
			Thu hồi đất (ha)	Thu hồi giấy phép (ha)	Xử lý vi phạm hành chính (trồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính	Hình thức xử lý khác	
I	Kết quả công tác thanh tra							
1	Lĩnh vực đất đai	1	0	0	3	0	0	
2	Thanh tra kết hợp nhiều lĩnh vực (đất đai, môi trường, tài nguyên nước)	7	0	0	705,6	0	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi 31,6 triệu đồng (thu hồi số lợi bất hợp pháp đối với 02 tổ chức); - Đình chỉ hoạt động của 01 Công ty do không đăng ký lại Kế hoạch Bảo vệ môi trường, thời hạn thực hiện 4,5 tháng kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chánh Thanh tra Sở TNMT; - Buộc 01 tổ chức chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với 01 (một) mẫu khí thải với số tiền 5.197.500 đồng 	

II	Kết quả công tác kiểm tra							
1	Lĩnh vực đất đai	5	0	0	0	0	0	0
Tổng		13	0	0	708,6	0	Thu hồi 31,6 triệu đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn 01 tổ chức; buộc 01 tổ chức trả lại kinh phí	

Phụ lục 4: Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo

STT	Tổng số	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2022		Số lượng đơn thư tồn đọng từ các năm trước	Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến năm 2022	Kết quả giải quyết		Số lượt tiếp cận công dân	Ghi chú
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Số lượng chuyển cấp có thẩm quyền		
	Tổng số	493	412	0	493	395	350	74	
1	Lĩnh vực đất đai	493	412	0	493	395	350	74	

Phụ lục số 05: Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN

TT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	145,1		145,1
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	235,7		235,7
III	Cho thuê đất	618,15	15,1	603,05
IV	Cho phép chuyển mục đích Từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp			
1	Đất trồng lúa	724,48		724,48
2	Đất rừng	70,07		70,07
2.1	Rừng phòng hộ	70,07		
2.2	Rừng đặc dụng	0		

Phụ lục 06: Kết quả cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022			Trong đó: cấp trong năm 2022		Ghi chú
		Diện tích cần phải cấp giấy (ha)	Diện tích đã hoàn thành cấp giấy (ha)	Số giấy chứng nhận đã cấp	Diện tích cấp mới lần đầu (ha)	Số giấy cấp mới lần đầu	
1	Đất nông nghiệp	217.536,71	184.001,65	501,373	293,06	873	
2	Đất lâm nghiệp	320.927,17	271.940,04	113,581	3.837,04	1,061	
3	Đất phi nông nghiệp	35.465,62	33.327,46	752,303	464,77	4,508	
	Trong đó: Đất ở nông thôn	32.303,9	30.230,07	631,160	432.186	3,798	
	Đất ở đô thị	3.161,72	3.097,39	121,143	32.578	710	

Phụ lục 07: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường cấp tỉnh

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả		Tăng giảm so với năm 2021
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp cao có hệ thống xử lý nước thải	Cụm	10	41%	Không thay đổi
2	Công tác bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học				
2.1	Khu Bảo tồn				
	Số lượng	Khu	02		
	Diện tích	Ha	132.273,69		
2.2	Khu Bảo tồn				
	Số lượng	Khu	04		
	Diện tích	Ha	1.525.593,69		

Phụ lục 08: Kết quả giao khu vực biển

Mục đích sử dụng	Tổng diện tích giao khu vực biển (ha)	Thẩm quyền giao khu vực biển		
		Thủ tướng Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương
An ninh, quốc phòng	0			
Khai thác điện gió ngoài khơi	0			
Thực hiện dự án cảng biển, logistic	0			
Nuôi trồng thủy sản	0			
Mục đích khác	257,7			x
Tổng	257,7			